TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2025/QĐST-HNGĐ	*Quảng Trị, ngày 06 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 17 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thùy T, sinh năm 1985;

Số căn cước công dân: 044185001938; cấp ngày: 14/9/2021;

Địa chỉ thường trú: Thôn H, xã Q, tỉnh Quảng Trị;

Bị đơn: Anh Phùng Hải Lưu, sinh năm 1985;

Số căn cước công dân: 044085008138; ngày cấp: 09/11/2022

Địa chỉ thường trú: Thôn H, xã Q, tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thùy T và anh Phùng Hải L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về con chung: Chị Nguyễn Thùy T và anh Phùng Hải L thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Phùng Nguyệt N, sinh ngày 22/9/2009 và Phùng Minh K, sinh ngày 21/12/2013; hai bên thỏa thuận: Giao con Phùng Nguyệt N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao con Phùng Minh K cho anh L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng

nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

b) Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thùy T và anh Phùng Hải L thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

c) Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thùy T và anh Phùng Hải L mỗi người chịu 75.000 đồng án phí ly hôn. Chị T thỏa thuận chịu thay án phí ly hôn cho anh L. Số tiền án phí chị T phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BLTU/23/0000479, ngày 25/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Quảng Trị. Chị T được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận*:*
- Các đương sự;
- VKSND KV4- Quảng Trị;
- UBND x.Trường Ninh, t.Quảng Trị (Để ghi chú vào sổ hộ tịch ĐKKH ngày 23/3/2009);
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP.

THẨM PHÁN

Châu Mạnh Cường